

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	393.41 ↓	-5.51	-1.38%
KLGD (triệu ck)	33.25 ↓	-12.46	-27.26%
GTGD (tỷ đồng)	525.38 ↓	-152.85	-22.54%
Tổng cung (triệu ck)	53.63 ↓	-83.11	-60.78%
Tổng cầu (triệu ck)	64.04 ↓	-67.30	-51.24%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.18 ↓	-1.34	-29.68%
KL bán (triệu ck)	1.31 ↓	-0.86	-39.64%
Giá trị mua (tỷ đồng)	88.17 ↓	-32.01	-26.64%
Giá trị bán (tỷ đồng)	52.35 ↓	-9.50	-15.35%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	414	**
Kháng cự 2	425	***
Kháng cự 3	436	*
Hỗ trợ 1	378	*
Hỗ trợ 2	370	**
Hỗ trợ 3	350	**

* Yếu
** Trung Bình
*** Mạnh
**** Rất mạnh

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

Nhận định thị trường:



Tin đáng chú ý:

- Theo báo cáo phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8, tính đến ngày 20/8/2012 dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế ước tăng 1,4% so với 31/12/2011.
- Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) vừa công bố Bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu giai đoạn 2012 - 2013. Theo đó, Việt Nam rớt 10 bậc tụt xuống thứ 75 trong số 144 nền kinh tế được xếp hạng.
- Moody's công bố đánh giá xếp hạng tín nhiệm độc lập của STB ở mức "E+", tương đương với mức "b1" trong dài hạn. Đây là ngân hàng thứ 5 của Việt Nam được Moody's đánh giá xếp hạng tín nhiệm độc lập ở mức "E+" trong tháng 8 sau MBB, VIB, Techcombank và BIDV.

Nhận định thị trường:

Với phiên giảm ngày hôm nay, VN-Index đã xác nhận mô hình nền đảo chiều Bearish Dark cloud. Sự sụt giảm của KLGD trên hai sàn cũng là tín hiệu cho thấy xu thế giảm trong ngắn hạn có thể còn tiếp diễn. VN-Index sẽ hướng tới ngưỡng hỗ trợ tại 370 điểm, và ngưỡng tương ứng với HNX-Index là 58,79 điểm. KLGD khớp lệnh trên hai sàn vẫn tiếp tục giảm, các cổ phiếu đang dao động sát vùng đáy thấp nhất từ đầu năm chưa có dấu hiệu phục hồi mà ngược lại vẫn tiếp tục giảm, có nguy cơ phá vỡ đáy cũ trước đó. Điều này cho thấy thị trường hiện đang thiên về chiều hướng tiêu cực, do đó nhà đầu tư ngắn hạn cần có sự thận trọng, chưa nên giải ngân bắt đáy trong những phiên thị trường sụt giảm.

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	60.32 ↓	-0.60	-0.98%
KLGD (triệu ck)	24.22 ↓	-7.59	-23.85%
GTGD (tỷ đồng)	216.93 ↓	-77.60	-26.35%
Tổng cung (triệu ck)	41.65 ↓	-10.69	-20.42%
Tổng cầu (triệu ck)	38.27 ↓	-4.42	-10.36%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.51 ↓	-0.66	-56.24%
KL bán (triệu ck)	0.46 ↓	-0.43	-48.28%
Giá trị mua (tỷ đồng)	6.77 ↓	-5.84	-46.32%
Giá trị bán (tỷ đồng)	5.80 ↓	-3.58	-38.19%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	63,35	*
Kháng cự 2	67,00	***
Kháng cự 3	70,00	**
Hỗ trợ 1	58.79	**
Hỗ trợ 2	55,00	****

- * Yếu
 ** Trung Bình
 *** Mạnh
 **** Rất mạnh

Thanh khoản

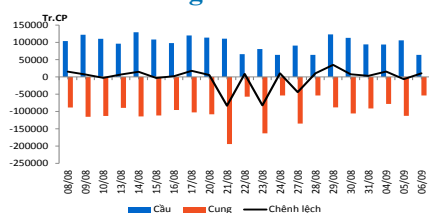
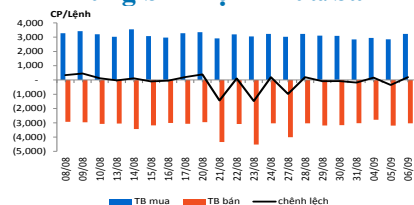
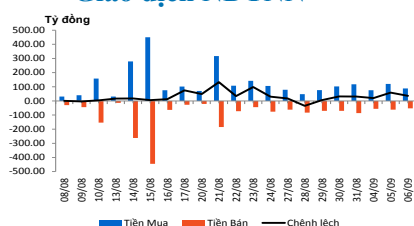
KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 10 phiên	32,018,700
Bình quân 25 phiên	33,091,730
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	18,768,100
Phiên gần nhất	22,288,500

Nhận định thị trường:*Đồ thị HNX-Index.***Phân tích kĩ thuật:**

Việc chỉ số HNX-Index giảm trở lại trong những phiên gần đây không phải là một tín hiệu đáng lo ngại, tuy nhiên điểm đáng ngại ở chỗ thanh khoản sàn Hà Nội vẫn tiếp tục sụt giảm bất chấp giá cổ phiếu đã ở mức tương đối thấp. Điều này làm giảm sự kì vọng vào khả năng tạo mô hình tích lũy/tạo đáy tại vùng đáy kênh dao động với hỗ trợ 58.79 điểm. Thường thì với mức thanh khoản cạn kiệt, khả năng dao động hẹp có khả năng xảy ra nhiều hơn và ý nghĩa của các vùng hỗ trợ thường cũng bị suy yếu.

Chúng tôi đã đề cập đến khả năng phục hồi trên một số cổ phiếu bluechips như ACB, PVX, VCG, PVG... khi giá của các cổ phiếu này đang tiến sát tới vùng hỗ trợ mạnh tại đáy cũ thấp nhất kể từ đầu năm (hỗ trợ trung hạn). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, nhóm các cổ phiếu nêu trên nhìn chung chưa có dấu hiệu nào tích cực, đặc biệt là yếu tố thanh khoản. Trừ cổ phiếu ACB, các mã khác trong nhóm này có dấu hiệu suy yếu và có nguy cơ giảm phá vỡ ngưỡng hỗ trợ trung hạn nêu trên. Nếu điều này xảy ra thì nhóm cổ phiếu này sẽ gây ảnh hưởng không tích cực tới chỉ số sàn HNX.

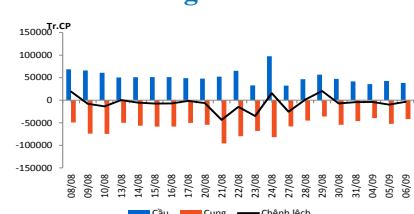
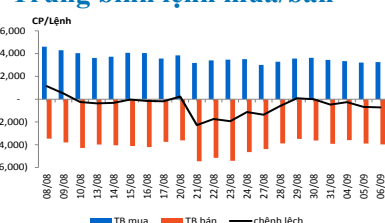
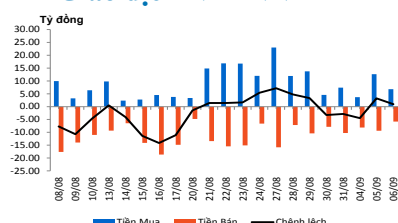
NDT nên ưu tiên giữ tỷ lệ tiền mặt cao trong danh mục, và chưa nên tham gia “bắt đáy” ngay cả trong trường hợp giá cổ phiếu chạm tới vùng hỗ trợ mạnh. Yếu tố quyết định sự phục hồi của thị trường hiện tại vẫn nằm ở dòng tiền tham gia thị trường.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Kết thúc 15 phút mở cửa, VN-Index giảm 2.52 điểm, tương ứng 0.63% xuống 396.41 điểm. Giao dịch toàn sàn đạt 803 ngàn đơn vị, tương ứng 9.28 tỷ đồng. Trên bảng điện tử chỉ có 16 mã tăng giá, 65 mã giảm và 34 mã giao dịch ở mức tham chiếu. Tuy nhiên, chỉ vài phút sau đó, mức giảm nói rộng lên 4.22 điểm kéo VN-Index xuống 4394.7 điểm.

Phiên sáng, Phần lớn các mã trong rổ VN30 giảm giá, ngoại trừ VIC, GMD, CII, HSG tăng nhẹ và STB, MBB đứng giảm vẫn làm cho VN-Index giảm 2.64 điểm, tương ứng 0.66% xuống 396.28 điểm. Giao dịch toàn sàn đạt khoảng 15 triệu đơn vị, tương ứng 243 tỷ đồng. Trên bảng điện tử, các mã giảm vẫn chiếm tỷ trọng lớn với 132 mã, còn lại có 62 mã tăng và 55 mã giao dịch ở mức tham chiếu.

Cuối phiên giao dịch, Với tổng cộng 153 mã giảm giá, VN-Index lùi sâu 5.51 điểm, tương ứng 1.38% xuống 393.41 điểm. Giao dịch toàn sàn đạt khoảng 33.45 triệu đơn vị, trị giá 541.74 tỷ đồng, giảm mạnh so với phiên trước. Loại trừ 6.3 triệu đơn vị thỏa thuận, tương ứng 148 tỷ đồng thì giao dịch khớp lệnh thực chất còn thấp hơn nhiều.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Mở cửa trên HNX, Những mã chủ chốt tại HNX cũng tiếp tục giảm với biên độ khoảng 2% mỗi mã, chủ yếu vẫn là lệnh bán ra, trong khi lệnh mua vào khá ít. HNX-Index giảm 0.2 điểm sau 15 phút, tương đương 0.33% xuống 60.72 điểm, giao dịch đạt gần 1.5 triệu đơn vị, trị giá 14.48 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 45 mã giảm giá, 13 mã tăng và 337 mã đứng yên.

Phiên sáng, Với 107 mã giảm và 246 mã đứng giá, HNX-Index đánh mất 0.31 điểm, tức khoảng 0.51% xuống 60.61 điểm. Giao dịch toàn sàn, khối lượng giao dịch 12.64 triệu đơn vị, tương ứng với giá trị 113.94 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu ngành than như TSC, TVD, THT, TC6 tiếp tục tăng trần với lực cầu khá mạnh nhờ thông tin đề xuất giảm thuế xuất khẩu và tăng giá bán than cho ngành điện.

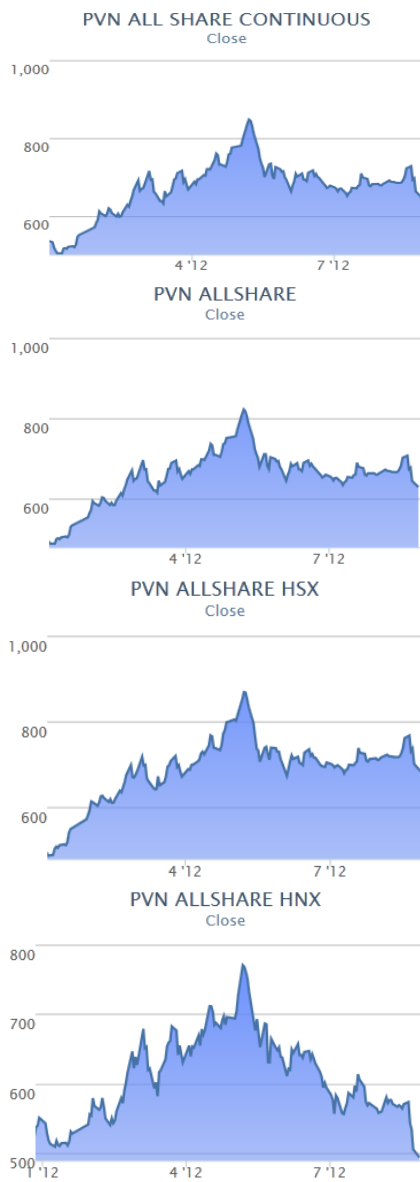
Cuối phiên, sàn Hà Nội, giao dịch vẫn rất yếu. Áp lực bán tại sàn này cũng làm cho thị trường giảm điểm mạnh hơn. Cuối phiên, HNX-Index mất 0.6 điểm, tương đương 0.98% lùi về 60.32 điểm. Thanh khoản tiếp tục sụt giảm so với phiên trước, chỉ còn 24.22 triệu đơn vị, tương đương 216.93 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

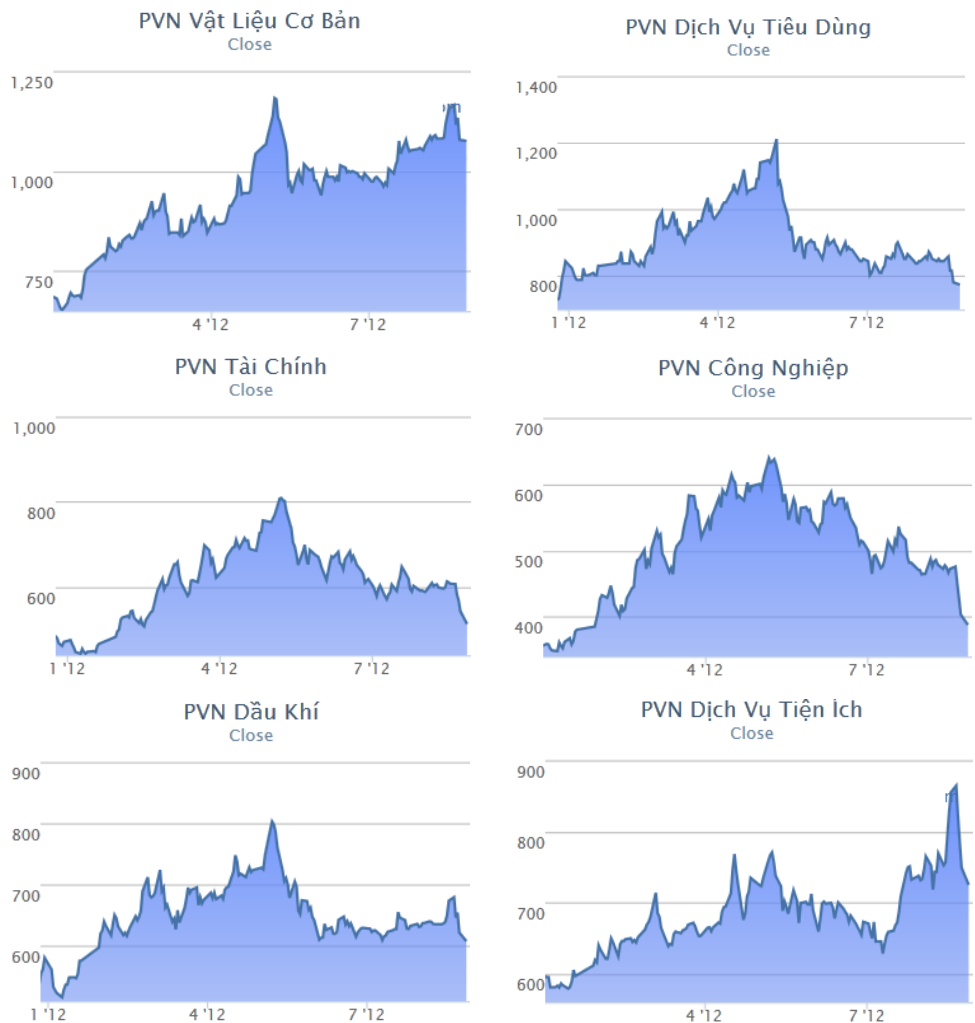
www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	741.35	↓18.52	↓-2.44
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	667.85	↓23.02	↓-3.33
PVN ALLSHARE	650.21	↓21.88	↓-3.25
PVN ALLSHARE HNX	503.92	↓-4.7	↓-0.92
PVN ALLSHARE HSX	708.47	↓26.55	↓-3.61
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1147.83	↓40.58	↓-3.41
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	795.77	↗ 0	↗ 0
PVN Tài Chính	505.62	↓13.46	↓-2.59
PVN Công Nghiệp	373.28	↓-7.38	↓-1.94
PVN Dầu Khí	630.52	↓23.08	↓-3.53
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	729.87	↓-14.9	↓-2

Chỉ số Ngành



Chỉ số PVN 10



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SHARE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNB	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 12 mã cổ phiếu đứng giá và 16 mã giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,69% và tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 6,123 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 06/09:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,000.0	-	0.00	0.44	13.51	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,900.0	5,000	-3.33	0.28	26.36	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	3,200.0	164,800	-5.88	0.19	0.31	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,300.0	228,200	-1.14	1.42	1.15	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,500.0	31,700	0.00	0.70	4.75	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,400.0	170,600	0.00	0.44	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	13,200.0	63,800	-1.49	0.79	1.97	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,600.0	20,300	0.00	1.68	4.38	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,000.0	231,200	-1.96	0.64	7.19	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,800.0	8,600	0.00	0.68	7.98	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	4,300.0	-	0.00	0.41	2.02	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14,900.0	338,550	0.00	1.26	3.98	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6,100.0	2,320,960	-3.17	0.27	2.29	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,000.0	274,400	-3.94	3.15	12.50	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	39,600.0	688,880	-3.41	2.37	6.40	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	25,700.0	44,710	-1.53	1.18	3.13	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,200.0	11,390	0.00	0.53	4.53	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,300.0	76,340	0.00	0.64	2.78	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	37,000.0	322,100	-2.12	1.81	5.23	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3,400.0	77,130	-2.86	0.33	2.64	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,600.0	109,390	-1.75	1.13	6.60	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	9,600.0	396,210	-4.00	0.84	12.15	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,500.0	318,090	0.00	0.46	40.91	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	4,800.0	59,770	-4.00	0.46	3.20	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3,700.0	23,700	-2.63	0.34	1.93	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,300.0	108,220	0.00	0.70	2.79	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,600.0	29,570	-4.17	0.42	3.03	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	41,000	39,600	-3.41	27,764,563
EB	15,800	15,400	-2.53	29,805,292
BVH	29,500	28,100	-4.75	20,336,406
SBT	16,500	17,200	4.24	15,753,898
SSI	18,500	18,100	-2.16	16,546,387

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SVN	41,800	44,500	6.46	28,340
VND	9,700	9,500	-2.06	24,538
KLS	8,800	8,600	-2.27	17,399
PVX	6,300	6,100	-3.17	14,320
SCR	7,300	7,100	-2.74	12,847

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,000	1,100	100	10.00
MPC	26,600	27,900	1,300	4.89
CMX	4,200	4,400	200	4.76
SEC	21,000	22,000	1,000	4.76
LGC	19,000	19,900	900	4.74

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
TVD	8,600	9,200	600	6.98
VMC	11,600	12,400	800	6.90
DBT	14,500	15,500	1,000	6.90
DHI	4,400	4,700	300	6.82
TC6	12,000	12,800	800	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
BBC	16,000	15,200	-800	-5.00
LCM	18,100	17,200	-900	-4.97
CDC	6,100	5,800	-300	-4.92
CLG	6,100	5,800	-300	-4.92
HOT	22,500	21,400	-1,100	-4.89

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NVC	1,400	1,300	-100	-7.14
NSN	2,900	2,700	-200	-6.90
LM3	2,900	2,700	-200	-6.90
VCM	10,200	9,500	-700	-6.86
CX8	4,400	4,100	-300	-6.82

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
MSN	13,987	MSN	14,758
VNM	12,320	VNM	13,221
DPM	8,390	DPM	4,974
SBT	7,467	PNJ	3,321
HSG	6,421	PVD	2,566

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	3,164	AAA	1,448
DBC	934	PVG	886
VCG	555	VNR	871
PVX	378	SDT	615
KLS	272	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339